

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/ 2025/KDTM-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v tranh chấp “Tranh chấp
Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Kiên;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Yên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2024/TLST- KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐ-TA ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C; Địa chỉ: Tầng 26-27-28 Cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức T, phường Bến N, Quận 1, thành phố H; Đại diện: Ông **Kuo, Yu –Chen**; Chức vụ: **Giám đốc**; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Minh B**, theo Giấy ủy quyền số 02T.2024/GUQ-COL ngày 02 tháng 01 năm 2024; Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà CEO, lô HH2-1 Phạm H, phường M, quận Nam T, thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Quang Linh- nhân viên công ty.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V; Địa chỉ: Thôn Sông C, xã Trung G, huyện S, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn B- giám đốc;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1985 và Bà Phan Thị S, sinh năm 1993; Điều trú tại: Thôn Thống Nhất, xã Trung G, huyện S, Thành phố H.

(Đại diện hợp pháp của bị đơn, ông B, bà S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, Đại diện hợp của Công ty TNHH Quốc tế C trình bày:

Ngày 19/01/2022 và ngày 26/05/2022 Công ty TNHH Quốc tế C (sau đây gọi tắt là Công ty C và Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V (gọi tắt là công ty V) đã lần lượt ký kết Hợp đồng bán hàng số T220026H9 và số T220255H9 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”):

Theo đó, hàng hóa mà Công ty V có nhu cầu mua theo Hợp đồng là **thép ống hộp mạ kẽm** (sau đây gọi tắt là “Hàng hóa”). Thời hạn, số lần thanh toán, tổng giá trị hàng hóa, tiền trả trước và số tiền trả dần mà Công ty V có nghĩa vụ thực hiện đối với Công ty C được thể hiện trong hợp đồng và lịch trình thanh toán tại **Thông báo V/v ngày thanh toán định kỳ** ngày 19/01/2022 và ngày 26/05/2022, cụ thể như sau:

(Đơn vị: VNĐ – Đồng Việt Nam)

STT	Nội dung	Hợp đồng bán hàng số T220026H9	Hợp đồng bán hàng số T220255H9
1	Thời hạn thanh toán	12 tháng Từ 01/03/2022 đến 01/02/2023	12 tháng Từ 15/06/2022 đến 15/05/2023
2	Giá bán trả ngay	4,238,277,602	2,287,846,622
3	Giá bán trả dần	4,454,429,760	2,403,840,446
4	Số tiền trả trước	211,913,880	114,392,331
5	Số tiền trả dần (5=2-4)	4,026,363,722	2,173,454,291
6	Số tiền chênh lệch (6=3-2)	216,152,158	115,993,824
7	Số tiền trả dần theo định kỳ (7=5+6)	4,242,515,880	2,289,448,115

Hằng tháng, Công ty V phải thanh toán cho Công ty C số tiền trả dần theo định kỳ cho đến khi thanh toán xong.

Để đảm B nghĩa vụ thanh toán của Công ty V theo Hợp đồng bán hàng, ngoài các Thư B lãnh thanh toán của cá nhân của ông **Hoàng Văn B** và bà **Phan Thị S** ký ngày 19/01/2022 và 26/05/2022, theo đó, trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, ông Hoàng Văn B và bà Phan Thị S cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ thay cho Công ty V, Công ty C còn chấp nhận các biện pháp B đảm khác. Cụ thể:

*** Đối với Hợp đồng bán hàng số T220026H9, gồm:**

- Ngày 19/01/2022, Công ty V đồng ý chuyển cho Công ty C khoản tiền đặt cọc là **423,827,760 đồng** (Bốn trăm hai mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng) nhằm đảm B thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng. Theo đó, trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, Công

ty C có quyền sử dụng Tiền đặt cọc để trang trải cho số tiền chưa thanh toán, các chi phí, các thiệt hại, mất mát phát sinh theo Hợp đồng mà không cần thông báo hay có sự đồng ý của Công ty V;

- Ngoài ra, Công ty V còn thực hiện thế chấp 02 tài sản sau đây:

+ 01 Ô tô tải (có mui): Hiệu ISUZU, số loại FRR90NE4, số máy 4HK10HS717, số khung RLEFRR90NMV000432, biển số 29H-525.38, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2021;

+ 01 Ô tô tải: Hiệu ISUZU, số loại NQR75ME4, số máy 4HK10DW979, số khung RLEN1R75MLV100121, biển số 29H-408.03, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2020.

Theo đó, Công ty C được quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi các khoản phải chi trả theo phương thức do Công ty C quyết định. Giao dịch B đảm này đã được đăng ký theo quy định của pháp luật vào ngày 20/01/2022 và ngày 02/08/2021.

*** Đối với Hợp đồng bán hàng số T220255H9:**

- Ngày 26/05/2022, Công ty V đồng ý chuyển cho Công ty C khoản tiền đặt cọc **228,784,662 đồng** (*Hai trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm sáu mươi hai đồng*) nhằm đảm B thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Hợp đồng. Theo đó, trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, Công ty C có quyền sử dụng Tiền đặt cọc để trang trải cho số tiền chưa thanh toán, các chi phí, các thiệt hại, mất mát phát sinh theo Hợp đồng mà không cần thông báo hay có sự đồng ý của Công ty V.

- Ngoài ra, Công ty V còn thực hiện thế chấp 01 Ô tô tải: Hiệu ISUZU, số loại QKR77HE4/NISU.TL1, số máy 155A72, số khung RLE1KR77HVMV102068, biển số 29H-528.69, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2021 để đảm B thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Theo đó, Công ty C được quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi các khoản phải chi trả theo phương thức do Công ty C quyết định. Giao dịch B đảm này đã được đăng ký theo quy định của pháp luật vào ngày 28/10/2021.

2. Để thực hiện Hợp đồng nêu trên, Công ty C đã ký các Hợp đồng mua bán số T220026H9-PC và T220255H9-PC lần lượt vào các ngày 19/01/2022 và 26/05/2022 với Công ty TNHH Thương mại Huyền Ngọc để mua các hàng hóa nêu trên và bán trả dần cho Công ty V.

Cùng các ngày trên, Công ty C đã bàn giao đầy đủ Hàng hóa theo thỏa thuận cho Công ty V tương ứng với Biên bản bàn giao và nghiệm thu Hàng Hóa được hai bên ký xác nhận đầy đủ.

Công ty C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng, tuy nhiên Công ty V thường xuyên thanh toán không đúng hạn các kỳ thanh toán từ kỳ tháng 11/2022 cho Công ty C.

3. Công ty C đã thực hiện các hoạt động yêu cầu Công ty V thực hiện đúng cam kết thanh toán, cụ thể:

- Ngày 20/12/2022, Công ty C phát hành Thư nhắc nợ lần cuối, yêu cầu Công ty V thanh toán đầy đủ số nợ quá hạn, số tiền của 02 kỳ (tháng 11 và tháng 12/2022) cụ

thể là **1,092,516,017 đồng** (Một tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, năm trăm mười sáu nghìn, không trăm mười bảy đồng)

- Do Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 13/01/2023 Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng bán hàng, yêu cầu Công ty V thanh toán tổng số tiền còn nợ theo Thông báo thanh toán tính đến ngày **13/01/2023** (ngày *chấm dứt hợp đồng*). Theo đó, số tiền Công ty V đã trả cho Công ty C đến ngày 13/01/2023 là 4,112,096,090 đồng, cụ thể: Hợp đồng số T220026H9 đã trả được 3,042,842,608 đồng, Hợp đồng số T220255H9 đã trả được 1,069,253,482 đồng. **Số tiền còn lại là 2,766,197,801 đồng** (Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm linh một đồng) trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận thông báo, trong đó bao gồm:

STT	Hợp đồng	Số tiền trả dần theo định kỳ còn lại	Lãi chậm thanh toán	Phạt vi phạm
1	T220026H9	1,413,269,177	9,768,071	2,340,774
2	T220255H9	1,335,511,400	4,175,926	1,132,453
Tổng		2,748,780,577	13,943,997	3,473,227

* Căn cứ tính số nợ phải trả nêu trên:

+ Đối với **Số tiền trả dần theo định kỳ**: Căn cứ quy định tại Điều 2.1.2 của Hợp đồng “Khách Hàng sẽ thanh toán Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ này theo lịch trình thanh toán được nêu trong (các) thông báo về ngày thanh toán định kỳ (sau đây được gọi là “*Thông Báo Về Ngày Thanh Toán Định Kỳ*”)”. Căn cứ vào Thông Báo Về Ngày Thanh Toán Định Kỳ, với Hợp đồng số T220026H9 (tổng 12 kỳ) thì mỗi kỳ Công ty V phải thanh toán 353,542,990 đồng; với Hợp đồng số T220255H9 (tổng 12 kỳ) thì mỗi kỳ Công ty V phải thanh toán 190,787,343 đồng. Tính đến ngày Hợp đồng bị chấm dứt (13/01/2023), Công ty V mới thanh toán được cho Công ty C 8 kỳ (Hợp đồng số T220026H9 – kỳ thứ 9 mới thanh toán được 902,783 đồng) và 5 kỳ (Hợp đồng số T220255H9).

+ Đối với **Lãi chậm thanh toán**: Căn cứ quy định tại Điều 8.1 của Hợp đồng “Trong trường hợp Khách Hàng không thanh toán đúng hạn theo lịch trình thanh toán như quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này, Khách Hàng sẽ thanh toán cho C tiền lãi chậm thanh toán được tính trên Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn phải trả bị chậm trả nhân với 1.5 lần của Lãi Suất Chậm Thanh Toán (như được quy định tại Điều 8.2 dưới đây) tương ứng với số ngày chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền bị chậm thanh toán.

8.2. Để cho rõ ràng, lãi suất chậm thanh toán là lãi suất tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn sáu (06) tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có hiệu lực tại ngày 15 dương lịch của tháng liền kề tháng có việc chậm thanh toán xảy ra (sau đây được gọi là “*Lãi Suất Chậm Thanh Toán*”). Nếu ngày 15 dương lịch này không phải là ngày làm việc thì ngày làm việc liền kề trước đó sẽ được áp dụng.”. Tính đến ngày

Hợp đồng bị chấm dứt (13/01/2023), Công ty V trả chậm Số tiền trả dần theo định kỳ 3 kỳ mỗi Hợp đồng (kỳ 9 (ngày 01/11/2022), 10 (ngày 01/12/2022), 11 (ngày 01/01/2023) với Hợp đồng số T220026H9 và kỳ 5 (ngày 15/10/2022), 6 (ngày 15/11/2022), 7 (ngày 15/12/2022) với Hợp đồng số T220255H9). Lãi suất được áp dụng tại ngày 15/10/2022 là 4.7%/ năm; ngày 15/11/2022 và 15/12/2022 là 6%/ năm (nộp kèm Bản tự khai Bảng niêm yết lãi suất của của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam các ngày này).

+ Đối với **Phạt vi phạm**: Căn cứ quy định tại Điều 8.3 “*Các Bên theo đây đồng ý rằng, khi có bất kỳ Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn phải trả nào bị chậm thanh toán quá mười (10) ngày so với Ngày Thanh Toán Định Kỳ, ngoài Tiền Lãi Chậm Thanh Toán như quy định tại Điều 8.1 trên đây, Khách Hàng sẽ thanh toán cho C số tiền phạt vi phạm được tính bằng 2% của (các) Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn bị chậm thanh toán tính từ ngày bắt đầu chậm thanh toán.*”. Tương tự Lãi chậm thanh toán thì mỗi Hợp đồng cũng có 3 kỳ phát sinh tiền Phạt vi phạm.

*** Quá trình trả nợ của Công ty V sau ngày 13/01/2023:**

- Ngày 21/02/2023, Công ty C phát hành Thông báo số 02.2023/TB-VL gửi tới những người B lãnh yêu cầu thực hiện nghĩa vụ B lãnh thanh toán tiền thuê thay cho Công ty V theo các Thư B lãnh cá nhân đã ký kết;

- Ngày 20/07/2023, Công ty V gửi Công văn số 01.2023/CV-C về việc đề nghị xử lý tài sản thế chấp/ B đảm. Theo đó, Công ty V đề nghị Nguyên đơn đồng ý cho giải chấp 02 tài sản thế chấp (01 ô tô tải biển số 29H-408.03 và 01 ô tô tải biển số 29H-528.69) lần lượt cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đồng Tuấn Minh (MST: 0110312107, địa chỉ: Thôn Bình An, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) và Công ty CP Công nghiệp và Thương mại An Thành Phát (MST: 0106861778, địa chỉ: Lô CN2, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội) với giá 250,000,000 đồng/ xe.

- Ngày 27/07/2023, Công ty V có thanh toán thêm số tiền là 40,000,000 đồng.

- Ngày 25/04/2024, Công ty C đã tiến hành sử dụng số tiền đặt cọc (423,827,760 đồng của Hợp đồng số T220026H9 và 228,784,662 đồng của Hợp đồng số T220255H9) để tiến hành cản trừ vào số tiền mà Công ty V phải trả;

Số tiền thu được được cản trừ vào nợ như sau:

ST T	Hợp đồng	Ngày	Số tiền thu được	Nội dung cản trừ
1	T220026H9	27/07/2023	250,000,000 đồng (bán tài sản xe 29H-408.03)	Trừ 6,248,749 tiền lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm. Còn lại trừ hết vào số tiền trả dần theo định kỳ.
2		25/04/2024	423,827,760 đồng (tiền đặt cọc)	Trừ 4,581,529 đồng tiền lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm. Còn lại trừ hết vào số tiền trả dần theo định kỳ.
3	T220255H9	26/07/2023	250,000,000 đồng (bán tài sản xe 29H-528.69)	Trừ 5,308,379 đồng tiền lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm. Còn lại trừ hết vào số tiền trả dần

			theo định kỳ.
4		27/07/2023	40,000,000 đồng Trừ hết vào số tiền trả dần theo định kỳ.
5		25/04/2024	228,784,662 đồng (tiền đặt cọc) Trừ hết vào số tiền trả dần theo định kỳ.

Tuy nhiên, vẫn chưa đủ để thanh toán toàn bộ số tiền phải trả. Vì vậy, Công ty C đã tiến hành khởi kiện vụ việc ra Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty V thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty V còn nợ tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 1.997.825.312 Trong đó:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Hợp đồng	Số tiền trả dần còn lại (I)	Tổng phạt vi phạm và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 28/4/2025 (II)	Tổng các khoản tiền còn nợ (I) + (II)
1	T220026H9	751,550,262	214,758,707	966,308,969
2	T220255H9	822,035,117	209,481,226	1,031,516,343
Tổng		1,573,585,379	424,239,933	1,997,825,312
Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm mười hai đồng.				

Đồng thời buộc Công ty V thanh toán cho Công ty C tiền lãi phát sinh sau ngày 28/4/2025 tính trên số tiền trả dần còn lại với mức lãi suất chậm thanh toán thỏa thuận tại Điều 9.3 của Hợp đồng bán hàng là 9% cho đến khi thanh toán xong số tiền trả dần còn lại.

(*) Vì Hợp đồng bán hàng bị đơn phương chấm dứt do lỗi vi phạm Công ty V nên Công ty V có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm thanh toán sau chấm dứt Hợp đồng như quy định tại Điều 9.3 của Hợp đồng bán hàng, cụ thể:

“9.3 Trong trường hợp Khách Hàng không thanh toán đầy đủ các khoản tiền còn nợ (nếu có) như quy định tại Điều 9.2 trên đây, ngoài các khoản tiền còn nợ (nếu có), Khách Hàng còn phải thanh toán cho C tiền lãi chậm thanh toán được tính theo mức lãi suất bằng 1.5 lần Lãi Suất Chậm Thanh Toán như được xác định dưới đây nhân với toàn bộ khoản tiền còn nợ tương ứng với số ngày bị chậm thanh toán từ ngày chấm dứt Hợp Đồng cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền còn nợ.

Lãi Suất Chậm Thanh Toán là lãi suất tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn sáu (06) tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có hiệu lực tại ngày 15 dương lịch của tháng liền kề trước tháng chấm dứt Hợp Đồng. Nếu ngày 15 dương lịch này không phải ngày làm việc thì ngày làm việc liền kề trước đó sẽ được áp dụng.”.

Vì Hợp đồng bán hàng bị chấm dứt trước hạn bởi Công ty C vào ngày 13/01/2023 nên Lãi Suất Chậm Thanh Toán được sử dụng là lãi suất tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn (06) tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có hiệu

lực tại ngày 15 dương lịch của tháng liền kề trước tháng chấm dứt Hợp Đồng là 15/12/2022 (6.0 %/ năm).

=> Công thức tính lãi chậm thanh toán sau ngày Hợp đồng bán hàng bị chấm dứt trước hạn là:

Lãi chậm thanh toán = (Toàn bộ khoản tiền còn nợ * 1.5 * 6.0% * Số ngày bị chậm thanh toán từ ngày chấm dứt Hợp Đồng) / 365

Đính kèm: - Bảng kê các khoản phải thu tạm tính đến ngày 06/12/2024;

- Bảng niêm yết lãi suất của của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có hiệu lực tại ngày 15/12/2022.

Nếu Công ty V không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Công ty C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại là 01 Ô tô tải (có mui): Hiệu ISUZU, số loại FRR90NE4, số máy 4HK10HS717, số khung RLEFRR90NMV000432, biển số 29H-525.38, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2021 và dùng số tiền thu được để thanh toán khoản nợ của Công ty V. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ bù đắp số tiền Công ty V còn nợ, buộc Công ty V tiếp tục thanh toán cho Công ty C đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Buộc ông Hoàng Văn B và bà Phan Thị S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C đầy đủ số tiền nêu tại Mục 4 trên đây trong trường hợp Công ty V không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình hoặc không bàn giao xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn trong vụ án là Công ty Sản xuất tấm lợp V, do ông Hoàng Văn B làm giám đốc, ông B đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể lấy được lời khai của ông B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị S (vợ ông B) cũng đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà S đều vắng mặt, không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, 24, 34, 42, 50, 55 của Luật Thương mại; Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C. Buộc Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V trả cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền: 1.997.825.312 và các yêu cầu khác của Nguyên đơn.

- Về án phí: Công ty V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Ngày 23/10/2024, Công ty TNHH Quốc tế C khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, yêu cầu Công ty Sản xuất tấm lợp V thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa số T220026H9 ngày 19/01/2022 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số T220255H9 ngày 26/5/2022, Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V có trụ sở theo Giấy đăng ký kinh doanh tại: Thôn Sông Công, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau. Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền theo cấp và lãnh thổ theo quy định điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V nhưng ông B không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của phía bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng:

3.1.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa số T220026H9 ngày 19/01/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C và Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V theo đó: Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đồng ý bán và Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V đồng ý mua hàng hóa là thép ống hộp mạ kẽm với số lượng 161,462.50 kg, đơn giá 23,863 đ/kg, thành tiền là 4,238,277,602 đồng được quy định chi tiết tại Điều 1 của Hợp đồng. Thời hạn, số lần thanh toán, tổng giá trị hàng hóa, tiền trả trước và số tiền trả dần mà Công ty V có nghĩa vụ thực hiện đối với Nguyên đơn được thể hiện trong Thông báo về việc thanh toán định kỳ ngày 19/01/2022. Cụ thể như sau:

- Tiền trả trước: 211,913,880 đồng.
- Tiền đặt cọc: 423,827,760 đồng.
- Số tiền trả dần: 4,026,363,722 đồng.
- Số tiền chênh lệch: 216,152,158 đồng.
- Số tiền trả dần theo định kỳ: 3,242,515,880 đồng.

3.1.2. Hợp đồng mua bán hàng hóa số T220255H9 ngày 26/4/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C và Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp

V theo đó: Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đồng ý bán và Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V đồng ý mua hàng hóa là thép ống hộp mạ kẽm với số lượng 84,585,00 kg, đơn giá 23,700 đ/kg, thành tiền là 2,205,130,950 đồng được quy định chi tiết tại Điều 1 của Hợp đồng. Thời hạn, số lần thanh toán, tổng giá trị hàng hóa, tiền trả trước và số tiền trả dần mà Công ty V có nghĩa vụ thực hiện đối với Nguyên đơn được thể hiện trong Thông báo về việc thanh toán định kỳ ngày 26/5/2022. Cụ thể như sau:

- Tiền trả trước: 114,392,331 đồng.
- Tiền đặt cọc: 228,784,662 đồng.
- Số tiền trả dần: 2,173,454,291 đồng.
- Số tiền chênh lệch: 115,993,824 đồng.
- Số tiền trả dần theo định kỳ: 2,289,448,115 đồng.

Như vậy, Hợp đồng được hai bên tự nguyện ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực trách nhiệm như quy định tại Điều 24 Luật Thương mại. Vì vậy, Hợp đồng mua bán hàng số T220026H9 ngày 19/01/2022 và Hợp đồng mua bán hàng số T220255H9 ngày 26/4/2022 có hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện.

3.2. Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Ngày 19/01/2022 và ngày 26/5/2022 phía Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đã bàn giao đầy đủ hàng hóa cho Công ty V theo đúng cam kết. Thể hiện trong các Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa số T220026H9 – 001 ngày 19/01/2022 và ngày 26/5/2022 tại thôn Sông Công, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Công ty C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng, về số tiền trả dần theo kỳ: Căn cứ quy định tại Điều 2.1.2 của Hợp đồng “*Khách Hàng sẽ thanh toán Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ này theo lịch trình thanh toán được nêu trong (các) thông báo về ngày thanh toán định kỳ (sau đây được gọi là “Thông Báo Về Ngày Thanh Toán Định Kỳ”)*”. Căn cứ vào Thông Báo Về Ngày Thanh Toán Định Kỳ, với Hợp đồng số T220026H9 (tổng 12 kỳ) thì mỗi kỳ Công ty V phải thanh toán 353,542,990 đồng; với Hợp đồng số T220255H9 (tổng 12 kỳ) thì mỗi kỳ Công ty V phải thanh toán 190,787,343 đồng. Tính đến ngày Hợp đồng bị chấm dứt (13/01/2023), Công ty V mới thanh toán được cho Công ty C 8 kỳ (Hợp đồng số T220026H9 – kỳ thứ 9 mới thanh toán được 902,783 đồng) và 5 kỳ (Hợp đồng số T220255H9). Như vậy, Công ty V thường xuyên thanh toán không đúng hạn các kỳ thanh toán từ kỳ tháng 11/2022.

Ngày 20/12/2022 phía Nguyên đơn đã phát hành Thư nhắc nợ lần cuối, yêu cầu Công ty V thanh toán đầy đủ số nợ quá hạn. Đến ngày 13/01/2023, do Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng bán hàng, yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền còn nợ theo Thông báo thanh toán tính đến ngày 13/01/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng) là 2,766,197,801 đồng.

Ngày 21/01/2023, Công ty C phát hành Thông báo số 02.2023 gửi tới những người B lãnh yêu cầu thực hiện nghĩa vụ B lãnh thanh toán tiền thuê thanh cho Công ty V theo các Thư B lãnh cá nhân đã ký kết.

Ngày 20/7/2023 Công ty V gửi Công văn số 01/2023 về việc đề nghị xử lý tài sản thế chấp với giá 250,000,000đ/xe.

Ngày 26/7/2023 Công ty C đã bàn giao Thông báo chấm dứt Hợp đồng tới Công ty V (có biên bản tiếp xúc).

Ngày 27/7/2023 Công ty V đã thanh toán thêm số tiền là 40,000,000 đồng.

Ngày 25/4/2024, Công ty C đã tiến hành sử dụng số tiền đặt cọc là 423,827,760 đồng của Hợp đồng số T220026H9 và 228,784,662 đồng của Hợp đồng số T220255H9 để cân trừ vào số tiền Công ty V phải trả.

Ngày 15/10/2024, Công ty C đã ra thông báo chuẩn bị nộp đơn khởi kiện và yêu cầu Công ty V cũng như phía B lãnh thanh toán đầy đủ số tiền trả dần còn nợ tạm tính đến ngày 21/10/2024 là 1,924,551,508 đồng. Trong đó số tiền phải thanh toán của Hợp đồng số T220026H9 là 931,344,253 đồng, của Hợp đồng số T220255H9 là 993,207,255 đồng. Cũng từ đó đến nay Công ty V đã không thanh toán được thêm bất kỳ khoản nợ nào. Mặc dù Công ty Chailesae đã tìm mọi cách liên hệ yêu cầu Công ty V và người B lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng không có kết quả.

Do Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo kỳ, sau khi nhận được Thông báo chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty V mới thanh toán thêm được 40.000.000đ đồng thời có Công văn đề nghị phía Công ty C bán tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ô tô để đổi trừ khoản nợ, sau khi Công ty C thực hiện việc cân trừ số tiền đặt cọc vào ngày 25/4/2024 thì cũng từ đó đến nay Công ty V không trả được thêm bất kỳ khoản tiền nào khác, như vậy Công ty V đã không tôn trọng thỏa thuận giữa hai bên, vi phạm pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C nên Công ty Chailesae khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

3.3. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

3.3.1. Về trách nhiệm thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Chailesae yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền nợ gốc trả dần tính đến ngày 28/4/2025 là 1.997.825.312; Căn cứ quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại cần buộc Công ty V trả cho Công ty Chailesae số tiền trên.

3.3.2. Về yêu cầu trả lãi:

+ Đối với **Lãi chậm thanh toán**:

Căn cứ quy định tại Điều 8.1 của Hợp đồng “*Trong trường hợp Khách Hàng không thanh toán đúng hạn theo lịch trình thanh toán như quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này, Khách Hàng sẽ thanh toán cho C tiền lãi chậm thanh toán được tính trên Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn phải trả bị chậm trả nhân với 1.5 lần của Lãi Suất Chậm Thanh Toán (như được quy định tại Điều 8.2 dưới đây) tương ứng với số ngày chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền bị chậm thanh toán.*

8.2. Để cho rõ ràng, lãi suất chậm thanh toán là lãi suất tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn sáu (06) tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có hiệu lực tại ngày 15 dương lịch của tháng liền kề tháng có việc chậm thanh toán xảy ra (sau đây được gọi là “Lãi Suất Chậm Thanh Toán”). Nếu ngày 15 dương lịch này không phải là ngày làm việc thì ngày làm việc liền kề trước đó sẽ được áp dụng.”. Tính đến ngày

Hợp đồng bị chấm dứt (13/01/2023), Công ty V trả chậm Số tiền trả dần theo định kỳ 3 kỳ mỗi Hợp đồng (kỳ 9 (ngày 01/11/2022), 10 (ngày 01/12/2022), 11 (ngày 01/01/2023) với Hợp đồng số T220026H9 và kỳ 5 (ngày 15/10/2022), 6 (ngày 15/11/2022), 7 (ngày 15/12/2022) với Hợp đồng số T220255H9). Lãi suất được áp dụng tại ngày 15/10/2022 là 4.7%/ năm; ngày 15/11/2022 và 15/12/2022 là 6%/ năm).

+ Đối với **Phạt vi phạm**: Căn cứ quy định tại Điều 8.3 “*Các Bên theo đây đồng ý rằng, khi có bất kỳ Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn phải trả nào bị chậm thanh toán quá mười (10) ngày so với Ngày Thanh Toán Định Kỳ, ngoài Tiền Lãi Chậm Thanh Toán như quy định tại Điều 8.1 trên đây, Khách Hàng sẽ thanh toán cho C số tiền phạt vi phạm được tính bằng 2% của (các) Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn bị chậm thanh toán tính từ ngày bắt đầu chậm thanh toán.*”. Tương tự Lãi chậm thanh toán thì mỗi Hợp đồng cũng có 3 kỳ phát sinh tiền Phạt vi phạm.

Xét việc thỏa thuận lãi và phạt bị phạm là sự tự nguyện của các bên, phù hợp với điều 300; 306 Luật Thương mại nên có căn cứ để chấp nhận.

3.3.3 Về xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm B cho việc thực hiện Hợp đồng bán hàng số T220026H9, ngày 19/01/2022, Công ty V đã thực hiện thế chấp tài sản là 01 Ô tô tải (có mui): Hiệu ISUZU, số loại FRR90NE4, số máy 4HK10HS717, số khung RLEFRR90NMV000432, biển số 29H-525.38, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2021. Theo đó, Nguyên đơn được quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi các khoản phải chi trả theo phương thức do Nguyên đơn quyết định. Giao dịch B đảm này đã được đăng ký theo quy định của pháp luật vào ngày 20/01/2022 và ngày 02/08/2021 nên có hiệu lực pháp luật, do đó yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận.

4. Về án phí: Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Công ty C theo quy định của pháp luật. Công ty C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 24; 50; 55; 300; 306 Luật thương mại;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Quốc Tế C đối với Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V. Buộc Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V phải trả cho TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền 1.997.825.312 Trong đó:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Hợp đồng	Số tiền trả dần còn lại (I)	Tổng phạt vi phạm và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 28/4/2025 (II)	Tổng các khoản tiền còn nợ (I) + (II)
1	T220026H9	751,550,262	214,758,707	966,308,969
2	T220255H9	822,035,117	209,481,226	1,031,516,343
Tổng		1,573,585,379	424,239,933	1,997,825,312

2. Buộc Công ty V thanh toán cho Nguyên đơn tiền lãi phát sinh sau ngày 28/4/2025 tính trên số tiền trả dần còn lại với mức lãi suất chậm thanh toán thỏa thuận tại Điều 9.3 của Hợp đồng bán hàng là 9% cho đến khi thanh toán xong số tiền trả dần còn lại.

3. Nếu Công ty V không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại là 01 Ô tô tải (có mui): Hiệu ISUZU, số loại FRR90NE4, số máy 4HK10HS717, số khung RLEFRR90NMV000432, biển số 29H-525.38, xuất xứ Việt Nam, năm sản xuất 2021 và dùng số tiền thu được để thanh toán khoản nợ của Công ty V. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ bù đắp số tiền Công ty V còn nợ, buộc Công ty V tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.

4. Buộc ông Hoàng Văn B và bà Phan Thị S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C đầy đủ số tiền trên đây trong trường hợp Công ty V không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình hoặc không bàn giao xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Công ty TNHH Sản xuất tấm lợp V phải chịu 71.934.759 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả công ty cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C 34.880.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0072817 ngày 11/11/2024.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

